

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày: 30-8-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Ông Nguyễn Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Bình T, thành phố H, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1992.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Quý, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp Bình C, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 01/11/2018 (âm lịch) bà Trần Thị Kim L có hỏi mượn bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để lo cho con bệnh, do chỗ quen biết nên bà cho bà L mượn tiền, bà và bà L có làm biên nhận nợ với nhau, trong biên nhận chỉ có một mình bà L ký tên mượn nợ chứ không có chồng bà L là ông Trần Văn Q ký tên. Lúc nhận tiền cũng chỉ có một

mình bà L nhận tiền nhưng việc bà L mượn tiền của bà thì sau này ông Q biết vì bà có đến nhà bà L đòi tiền có gặp ông Q nhưng ông Q chỉ cười mà không nói gì. Từ khi bà Trần Thị Kim L nhận tiền của bà rồi không trả mà né tránh mặt nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà Trần Thị Kim L và chồng là ông Trần Văn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 01/11/2018 đến 01/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2022 dương lịch) là hơn 6.000.000đồng, nhưng bà chỉ yêu cầu bà L và ông Q trả cho bà số tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 dương lịch trở về sau.

- *Bị đơn bà Trần Thị Kim L có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Vào ngày 01/11/2018 (âm lịch) bà có vay tiền của Bà Nguyễn Thị T với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tiền vay này để mua thức ăn cho vịt, do chồng bà đưa tiền mua thức ăn cho vịt nhưng bà đã chi tiêu vào gia đình, con cái bệnh hoạn nên đã thiếu hụt vào tiền mua thức ăn nên bà mới đi vay số tiền 10.000.000đồng của bà T để lấp vào cho đủ, do đó chồng bà không biết việc bà đã vay tiền của bà T. Khi vay tiền bà có ký biên nhận nợ cho bà T, lúc vay tiền chồng bà là ông Trần Văn Q không biết và ông Q cũng không có ký tên trong biên nhận nợ. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà liên đới trả tiền vay cho bà T nhưng chồng bà không biết số tiền nợ này nên chồng bà không đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà trả nợ vay theo yêu cầu của bà T. Nay bà tự nguyện thống nhất trả cho bà T số tiền vay gốc và lãi tổng cộng 16.000.000đồng (tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 01/7/2021 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2022 dương lịch).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Ông không biết gì về số nợ mà bà T yêu cầu ông trả theo đơn khởi kiện là 18.600.000đồng. Việc vợ ông là bà L có vay nợ của bà T hay không thì ông không biết vì bà L không có thông qua ông nên việc bà T yêu cầu ông trả nợ là ông không có liên quan nên ông không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của bà T. Riêng việc tự nguyện thỏa thuận trả nợ giữa vợ ông là bà L với bà T như thế nào thì ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà T xác định: Mặc dù không có chứng cứ chứng minh ông Q có nợ tiền vay của bà nhưng việc vay tiền của bà L thì ông Q biết nên bà giữ y yêu cầu là yêu cầu bà L và ông Q cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà tổng cộng số tiền gốc và lãi là 16.000.000đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Từ năm 2018 đến nay bà T vẫn không từ bỏ quyền khởi kiện của mình mà đã hai lần khởi kiện tại Tòa án vào năm 2020 và năm 2021 nhưng đều đình chỉ vụ án nên việc bà T được quyền khởi kiện lại vụ án này là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn Q: Bà L và ông Q có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị Kim L và chồng là ông Trần Văn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho bà, số tiền gốc 10.000.000đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 01/11/2018 đến 01/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2022 dương lịch) là 6.000.000đồng. Tổng cộng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh về sau. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Việc bà Trần Thị Kim L vay tiền của Bà Nguyễn Thị T có làm biên nhận nợ vào năm 2018 âm lịch. Trong biên nhận nợ chỉ có chữ ký tên của bà Trần Thị Kim L chứ không có ký nhận của chồng bà L là ông Trần Văn Q. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận là có vay tiền của bà T số tiền gốc là 10.000.000đồng và đồng ý trả lãi số tiền 6.000.000đồng, tổng cộng 16.000.000đồng theo yêu cầu của bà T, do đó xác định việc bà L có vay tiền của Thúy là có thật.

- Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn Q cho rằng ông không biết gì về số nợ mà bà T yêu cầu ông trả nợ, việc vợ ông là bà L có vay nợ

của bà T hay không thì ông không biết và theo yêu cầu cung cấp chứng cứ thì bà T chỉ nộp cho Tòa án bản tự khai với nội dung cho rằng việc vay tiền ông Q biết chứ bà T không có cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh ông Q có biết việc bà L vay tiền của bà T và việc vay tiền này nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng do ông Q đưa tiền mua thức ăn vịt nhưng bà đã chi tiêu cho gia đình hết nên bà L đi hỏi vay tiền của bà T để bù vô cũng để lo cho con bệnh và mua thức ăn cho vịt. Mặc dù bà L cho rằng ông Quý không biết. Nhưng việc bà L vay tiền về là sử dụng chung cho gia đình, lo cho con bệnh, mua thức ăn cho vịt là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Về phần lãi suất: Mặc dù trong biên nhận nợ không có ghi mức lãi suất cho vay nhưng việc bà T yêu cầu tính lãi là tính theo quy định pháp luật và số tiền bà T yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận.

- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông Trần Văn Q cùng có trách nhiệm liên đới với bà Trần Thị Kim L để trả nợ vay cho Bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền gốc và lãi 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 dương lịch trở về sau nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà Loan, ông Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 10.000.000đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật

từ ngày 01/11/2018 đến 01/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2022 dương lịch) là 6.000.000đồng. Tổng cộng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn Q có nghĩa vụ liên đới chịu 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 465.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 06599, ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo